

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP CHUYÊN ĐỊA LÝ

STT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	THCS	Lớp chuyên/ Môn chuyên	Điểm VĂN	Điểm TOÁN	Điểm ANH	Điểm môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển lớp chuyên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	P37	301060	Chu Ngọc Huyền	10/01/2009	THCS Thị trấn Vũ Thư	Địa lý(Địa lý)	8.5	9	8.4	8.5	42.9	
2	P38	301069	Vũ Thị Mai	10/06/2009	TH&THCS Tân Bình	Địa lý(Địa lý)	8.75	9	8.8	7.75	42.05	
3	P38	301078	Trần Thị Quỳnh Nga	30/05/2009	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Địa lý(Địa lý)	7.25	9	9.6	8	41.85	
4	P37	301045	Lương Trâm Anh	13/11/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý(Địa lý)	8	8.25	9.2	8	41.45	
5	P37	301051	Phạm Ngọc Minh Châu	08/01/2009	THCS Trần Lãm	Địa lý(Địa lý)	8.25	9	9.2	7.5	41.45	
6	P38	301089	Phạm Thị Thanh Thảo	27/06/2009	THCS Minh Quang	Địa lý(Địa lý)	8.25	9	8.8	7.5	41.05	
7	P38	301071	Bùi Trần Bình Minh	27/02/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý(Địa lý)	8.25	9	8	7.75	40.75	
8	P37	301047	Nguyễn Hoàng Anh	28/09/2009	THCS Thị trấn Vũ Thư	Địa lý(Địa lý)	8	8	9.2	7.75	40.7	
9	P37	301048	Nguyễn Tú Anh	22/09/2009	THCS Trần Phú	Địa lý(Địa lý)	8.25	7.25	9.2	7.75	40.2	
10	P38	301072	Đặng Ánh Minh	22/10/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý(Địa lý)	8.25	8	8.8	7.5	40.05	
11	P39	301091	Đỗ Anh Thư	10/10/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý(Địa lý)	7.75	9	9.6	6.5	39.35	
12	P37	301046	Mai Tú Anh	09/02/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý(Địa lý)	7.5	9	9.8	6.5	39.3	
13	P37	301049	Trần Thị Minh Anh	01/10/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý(Địa lý)	8.25	8.25	8.2	7.25	39.2	
14	P37	301063	Hà Diệu Linh	11/07/2009	THCS Tiên Phong	Địa lý(Địa lý)	8.25	7.5	9.4	7	39.15	
15	P38	301067	Đào Quỳnh Mai	07/03/2009	THCS Trần Lãm	Địa lý(Địa lý)	8	8.25	8.8	7	39.05	
16	P37	301056	Trần Thanh Hòa	26/09/2009	THCS Trần Phú	Địa lý(Địa lý)	7.5	8.75	8.4	7	38.65	
17	P37	301053	Nguyễn Đức Tiến Dũng	25/02/2009	THCS Trần Phú	Địa lý(Địa lý)	7.75	8.75	9	6.5	38.5	
18	P37	301062	Đặng Nhật Linh	01/11/2009	THCS 14-10	Địa lý(Địa lý)	7.25	6	9.2	8	38.45	
19	P38	301066	Nguyễn Ngọc Gia Linh	21/08/2009	THCS Trần Phú	Địa lý(Địa lý)	7.5	8.25	8	7.25	38.25	
20	P39	301097	Nguyễn Thị Phương Uyên	31/07/2009	THCS Tân Lập	Địa lý(Địa lý)	8	8	6	8	38	
21	P39	301095	Trần Nguyễn Bảo Trang	05/08/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý(Địa lý)	8.5	8.25	9.6	5.75	37.85	
22	P38	301086	Nguyễn Ngọc Bảo Quỳnh	10/06/2009	THCS Kỳ Bá	Địa lý(Địa lý)	7.5	8.25	8.4	6.75	37.65	
23	P37	301052	Nguyễn Quỳnh Chi	29/06/2009	THCS Tiên Phong	Địa lý(Địa lý)	7.75	8.75	7.4	6.75	37.4	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
24	P38	301068	Trần Thị Tuyết Mai	30/09/2009	THCS Tiên Phong	Địa lý(Địa lý)	8	8	8.8	6.25	37.3	
25	P38	301084	Phạm Mai Phương	04/04/2009	THCS Minh Thành	Địa lý(Địa lý)	8	7.75	7.8	6.75	37.05	
26	P37	301058	Trần Thị Vân Hương	15/05/2009	THCS Trần Phú	Địa lý(Địa lý)	8	8	7	7	37	
27	P37	301065	Nguyễn Lương Diệu Linh	18/01/2009	THCS Trần Phú	Địa lý(Địa lý)	8.5	6.25	8.2	7	36.95	
28	P39	301100	Lê Hoàng Vy	19/03/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý(Địa lý)	7.75	6.75	6.8	7.75	36.8	
29	P38	301080	Nguyễn Như Ngọc	01/03/2009	THCS Phú Xuân	Địa lý(Địa lý)	7.5	8	7.4	6.75	36.4	
30	P38	301079	Trần Phương Ngân	30/10/2009	THCS Phạm Huy Quang	Địa lý(Địa lý)	7	8.75	7	6.75	36.25	
31	P37	301043	Đinh Hoàng Tâm Anh	26/11/2009	THCS Tây Sơn	Địa lý(Địa lý)	7.75	7.5	8	6.5	36.25	
32	P38	301083	Nguyễn Hà Phương	21/06/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý(Địa lý)	8	6.25	8.8	6.5	36.05	
33	P38	301075	Phạm Phương My	01/10/2009	THCS Minh Quang	Địa lý(Địa lý)	7.5	8	8.8	5.75	35.8	
34	P37	301064	Nguyễn Hà Linh	03/05/2009	THCS Tiên Phong	Địa lý(Địa lý)	8	7.5	7.2	6.25	35.2	
35	P39	301099	Trần Hồng Vân	28/12/2009	THCS Lương Thế Vinh	Địa lý(Địa lý)	7	7	9.2	6	35.2	

Danh sách trên gồm 35 học sinh.

Thái Bình, ngày 16 tháng 6 năm 2024

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Viết Hiện**